

TỔNG QUAN VỀ “NẠN NHÂN HỌC”

LÊ MINH TIẾN*

Nạn nhân học (Victimology) là một lĩnh vực nghiên cứu liên ngành chỉ mới xuất hiện trên thế giới vào giữa thế kỷ XX. Lĩnh vực nghiên cứu này hướng sự phân tích vào một thành phần gần như bị bỏ quên trong các nghiên cứu xã hội học tội phạm và tội phạm học, đó là các nạn nhân của tội phạm (Crime victims), nhằm làm sáng tỏ hơn nữa những nguyên nhân của tội phạm, từ đó giúp hiểu được một cách đầy đủ hơn về những hậu quả của các hành vi tội phạm đối với nạn nhân cũng như tình hình tội phạm nói chung. Bài viết này nhằm mục tiêu trình bày tổng quan về sự hình thành và các hướng nghiên cứu trong nạn nhân học như là một gợi ý cho việc nghiên cứu về lĩnh vực này ở Việt Nam trong tương lai.

Từ khóa: nạn nhân học, nạn nhân, điều tra nạn nhân học, tội phạm học

Nhận bài ngày: 8/8/2018; đưa vào biên tập: 9/8/2018; duyệt đăng: 4/9/2018

1. DẪN NHẬP

Từ lâu trong lĩnh vực nghiên cứu xã hội học tội phạm và tội phạm học nói chung trên thế giới cũng như tại Việt Nam, phần lớn các nghiên cứu đều chú trọng đến một thành phần của tội phạm đó là người phạm tội (Criminal) và từ đó phân tích những đặc trưng của những người có hành vi tội phạm cũng như những yếu tố tâm lý, văn hóa, kinh tế, chính trị và xã hội khiến

cho cá nhân có hành vi tội phạm hay hiện tượng tội phạm nói chung trong xã hội. Tuy nhiên, còn có một thành phần khác cũng liên quan đến vấn đề tội phạm nhưng gần như chưa được chú ý nghiên cứu đó là nạn nhân của tội phạm (Crime victim). Quả vậy, có lẽ việc tìm hiểu hiện tượng tội phạm sẽ chưa đầy đủ nếu bỏ qua nạn nhân, bởi vì trong nhiều trường hợp hành vi tội phạm đã diễn ra nhưng vì một số lý do mà thủ phạm không bị phát hiện và xử lý, nhưng nạn nhân của hành vi tội phạm ấy thì vẫn hiện diện ở đó. Do

* Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh.

vậy, nghiên cứu nạn nhân của tội phạm là một trong những cách thức để làm sáng tỏ tình trạng “tội phạm ẩn” (Hidden figure of crime), tức là những hành vi tội phạm đã diễn ra nhưng không phát hiện được thủ phạm và do đó không được đưa vào trong các báo cáo thống kê chính thức về tình hình tội phạm. Việc nghiên cứu nạn nhân sẽ góp phần phản ánh một cách sát thực hơn về tình hình tội phạm trong xã hội. Mặt khác, nghiên cứu nạn nhân học còn góp phần làm sáng tỏ hơn nguyên nhân của tội phạm, bởi trong nhiều trường hợp, nạn nhân cũng chính là một trong những nguyên nhân tạo nên hành vi tội phạm. Theo Hans von Hentig (1948) thì trong nhiều vụ tội phạm, nạn nhân lại là những người ngầm ý ưng thuận, lập mưu kế và khiêu khích cho hành vi tội phạm (Ezzat A. Fattah, 1989: 44).

2. VÀI NÉT LỊCH SỬ CỦA “NẠN NHÂN HỌC”

Theo Ezzat A. Fattah (2000) thì những ý niệm đầu tiên về nạn nhân không phải do các nhà nghiên cứu đặt ra, mà là do các nhà văn, nhà thơ và tiểu thuyết gia như Thomas de Quincey, Khalil Gibran, Aldous Huxley, the Marquis de Sade Franz Werfel. Trong lĩnh vực học thuật, người đầu tiên phân tích có tính hệ thống về các nạn nhân của tội phạm đó là nhà nghiên cứu tội phạm học người Đức Hans von Hentig (1887-1974). Trong công trình *The Criminal and His Victim* (Phạm nhân và nạn nhân của phạm

nhân) công bố vào năm 1948, ông đã dành ra chương cuối để phân tích về nạn nhân của tội phạm như là một trong những nguyên nhân tạo nên hành vi tội phạm nơi phạm nhân. Theo ông, mối quan hệ phạm nhân - nạn nhân là mối quan hệ cặp đôi (dyad) do đó khi nghiên cứu về tội phạm thì không nên chia tách hai thành phần này mà phải xem xét cả hai. Người sáng lập ngành nạn nhân học là nhà nghiên cứu tội phạm học người Pháp gốc Israel là Benjamin Mendelsohn (1900-1998). Ông chính là người đầu tiên đưa ra thuật ngữ “nạn nhân học” (Victimology, ghép của hai từ “Victim” và “logos”) - khoa học nghiên cứu về các nạn nhân của tội phạm - vào năm 1947 trong một bài thuyết trình trước các thành viên của Hội Tâm lý trị liệu Rumani (Sarah Ben-David, 2000: 55). Năm 1958, nhà xã hội học và tội phạm học người Mỹ là Marvin Eugene Wolfgang (1924-1998)⁽¹⁾ đã công bố công trình *Patterns in Criminal Homicide* (Những khuôn mẫu của tội phạm giết người) vốn được xem là công trình nghiên cứu thực nghiệm đầu tiên về nạn nhân học. Trong nghiên cứu này, Wolfgang đã tiến hành khảo sát 558 vụ giết người diễn ra tại Philadelphia trong giai đoạn 1948-1952 và nhận thấy rằng có 26% nạn nhân của các vụ giết người là “nạn nhân thúc đẩy cho tội phạm” (Victim precipitation/Victim facilitation)⁽²⁾, tức là những nạn nhân này là những người ra tay trước, những người sử dụng vũ khí trước hoặc có hành vi bạo lực trước chứ

không phải là thủ phạm⁽³⁾. Vào năm 1968, nhà xã hội học và tội phạm học người Hungari là Stephen Schafer (1911-1976) công bố công trình *The Victim and His Criminal* (Nạn nhân và thủ phạm) và công trình này được xem là cuốn giáo trình đầu tiên về nạn nhân học.

Sau hai hội nghị quốc tế về nạn nhân học được tổ chức vào các năm 1973 và 1976, việc định chế hóa việc nghiên cứu nạn nhân học chính thức

được xác lập vào năm 1979 khi các nhà tội phạm học như Hans Joachim Schneider, Israel Drapkin và một số nhà tội phạm học khác cùng nhau thành lập *Hiệp hội Nạn nhân học thế giới* (the World Society of Victimology) tại Munster (Đức). Mục tiêu của Hiệp hội là thúc đẩy việc nghiên cứu nạn nhân học và các hoạt động thực tiễn liên quan đến các nạn nhân của tội phạm trên toàn thế giới, khuyến khích các nghiên cứu liên ngành và nghiên

Bảng 1. Tóm tắt những cột mốc chính của Nạn nhân học

Năm	Sự kiện
1947	Benjamin Mendelsohn đưa ra thuật ngữ <i>Nạn nhân học</i> .
1948	Hans von Hentig công bố công trình <i>The Criminal and His Victim</i> (Phạm nhân và nạn nhân của phạm nhân).
1958	Marvin Eugene Wolfgang công bố công trình nghiên cứu thực nghiệm đầu tiên về nạn nhân học có nhan đề <i>Patterns in Criminal Homicide</i> (Những khuôn mẫu của tội phạm giết người).
1963	New Zealand là nước đầu tiên ban hành <i>Đạo luật bồi thường cho nạn nhân của tội phạm</i> (Criminal Compensation Act).
1966	Mỹ tiến hành cuộc điều tra đầu tiên về các nạn nhân của tội phạm nhưng không khai báo cho cảnh sát.
1968	Stephen Schafer công bố quyển giáo trình đầu tiên về nạn nhân học có nhan đề <i>The Victim and His Criminal</i> (Nạn nhân và thủ phạm).
1972	Mỹ bắt đầu tiến hành cuộc điều tra quốc gia về nạn nhân của các loại tội phạm (National Crime Victimization Survey).
1973	Hội nghị quốc tế đầu tiên về nạn nhân học diễn ra tại Jerusalem (Israel).
1976	Emilio Viano thành lập tạp chí <i>Victimology - An International Journal</i> .
1979	<i>Hiệp hội Nạn nhân học Thế giới</i> (the World Society of Victimology) được thành lập tại Munster (Đức). Hiệp hội này phụ trách tổ chức các hội nghị quốc tế về nạn nhân học (ba năm 1 lần).
1981	Tổng thống Mỹ Ronald Reagan tuyên bố <i>Tuần lễ quốc gia về quyền của các nạn nhân tội phạm</i> (National Victims' Right Week).
1989	Ra đời tạp chí <i>International Review of Victimology</i> (Tạp chí Quốc tế về Nạn nhân học) và hiện là tạp chí hàng đầu thế giới về nạn nhân học.
2003	<i>Hiệp hội Nạn nhân học Mỹ</i> (The American Society of Victimology) được thành lập.

Nguồn: Andrew Karmen, 2012: 14 và Rahman, Md. 2013.

cứu so sánh trong lĩnh vực nạn nhân học, thúc đẩy sự hợp tác giữa các tổ chức cấp quốc tế, khu vực và quốc gia có quan tâm đến các vấn đề của nạn nhân⁽⁴⁾. Từ sự ra đời của Hiệp hội, nạn nhân học đã dần dần khẳng định được vị trí của một ngành khoa học với sự xuất hiện của các tạp chí chuyên ngành và các hiệp hội về nạn nhân học ở các quốc gia. Về tạp chí, vào năm 1976 thì nhà nghiên cứu tội phạm học Mỹ - Emilio Viano lập ra tạp chí *Victimology - An International Journal* (hiện không còn hoạt động). Đến năm 1989, *Tạp chí Quốc tế về Nạn nhân học* (the *International Review of Victimology*) được thành lập và hiện nay được xem là tạp chí hàng đầu thế giới trong lĩnh vực nạn nhân học.

3. MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU CỦA NẠN NHÂN HỌC

Nạn nhân học là lĩnh vực nghiên cứu tập trung phân tích những tổn hại về thể lý, cảm xúc và tài chính của những người là nạn nhân của các hoạt động phi pháp. Bên cạnh đó, các nhà nghiên cứu trong nạn nhân học cũng quan tâm tìm hiểu những phản ứng về mặt chính sách, xã hội và kinh tế đối với những tổn hại của các nạn nhân (Karmen, 2012: 2). Tuy nhiên, việc nghiên cứu nạn nhân học lại được phân ra thành hai trường phái trong quan niệm về đối tượng nghiên cứu. Mendelsohn cho rằng cần phải nghiên cứu nạn nhân mang tính phổ quát (General victimology), tức việc nghiên cứu nạn nhân học không nên bó hẹp vào các nạn nhân của tội phạm

(Crime victims) mà cần nghiên cứu đến mọi nạn nhân như nạn nhân của tội phạm, tự mình là nạn nhân (Victims of oneself), nạn nhân của công nghệ, nạn nhân của môi trường xã hội và nạn nhân của môi trường tự nhiên. Trong khi đó Von Hentig lại cho rằng nạn nhân học là một phân nhánh của tội phạm học, do đó, nghiên cứu nạn nhân học chỉ nên tập trung vào một loại nạn nhân đó là nạn nhân của tội phạm, và vì thế mà hướng nghiên cứu này được gọi là nạn nhân học hình sự (Penal victimology). Nạn nhân học hình sự tập trung phân tích các mối quan hệ tương tác giữa nạn nhân và thủ phạm trong các vụ tội phạm (Miomira Kostić, 2010: 65-78). Dưới đây là ba cụm nội dung trong nạn nhân học nói chung (Bảng 2).

Như vậy có rất nhiều chủ đề trong nghiên cứu nạn nhân học và mỗi chủ đề lại được nghiên cứu theo nhiều hướng khác nhau. Chẳng hạn như việc nghiên cứu các kiểu loại nạn nhân, Von Hentig (1948) phân thành hai nhóm kiểu loại: 1) *kiểu loại về mặt sinh học, dân số học* bao gồm những nạn nhân là: trẻ, phụ nữ, người già, người mắc các chứng bệnh tâm thần, người nhập cư, người thiểu số và những người chậm hiểu (Dull normals); 2) *kiểu loại về mặt tâm lý* bao gồm: người phiền muộn, người hám lợi, người phóng đảng, người cô độc, người đang gặp đau khổ. Trong khi đó, Sellin và Wolfgang (1964) lại phân loại thành: nạn nhân sơ cấp, nạn nhân thứ cấp và nạn nhân thứ ba

Bảng 2. Ba cụm nội dung trong nghiên cứu nạn nhân học

Tiến trình trở thành nạn nhân của tội phạm (Victimization)	Nạn nhân	Nạn nhân và hệ thống tư pháp
- Tiến trình trở thành nạn nhân - Các kiểu mẫu - Thiên hướng trở thành nạn nhân - Tần suất trở thành nạn nhân - Sự phản ứng trước nguy cơ trở thành nạn nhân - Những hệ quả sau đó của việc trở thành nạn nhân - Nỗi sợ trở thành nạn nhân	- Tính chọn lọc của nạn nhân - Những đặc trưng của nạn nhân - Các kiểu loại (Typology) nạn nhân - Mối quan hệ thủ phạm - nạn nhân - Vai trò của nạn nhân - Các quan niệm và thái độ của nạn nhân - Sự lặp lại của nạn nhân (nhiều lần là nạn nhân) - Sự biến đổi từ nạn nhân thành thủ phạm	- Các quan niệm của nạn nhân về hệ thống tư pháp - Các mối quan hệ tương tác giữa nạn nhân với các tác nhân của hệ thống tư pháp - Tác động của nạn nhân và những đặc trưng của nạn nhân đối với các quyết định của hệ thống tư pháp - Các quyền và nghĩa vụ của nạn nhân - Việc đền bù cho nạn nhân - Các dịch vụ mà nạn nhân có nhu cầu - Vai trò của nạn nhân trong việc ngăn ngừa tội phạm

Nguồn: Ezzat A. Fattah, 1981: 78.

(Tertiary victim), nạn nhân tương hỗ (Simha F. Landau, Robert E. Freeman-Longo, 1990: 268-269).

4. MỘT SỐ LÝ THUYẾT TRONG NẠN NHÂN HỌC

Cũng như mọi lĩnh vực khoa học khác, nạn nhân học cũng đã xây dựng cho riêng mình một hệ thống các lý thuyết làm cơ sở cho các nghiên cứu thực nghiệm. Dưới đây là tóm tắt ngắn về một vài lý thuyết được dùng trong nghiên cứu nạn nhân học⁽⁵⁾:

- *Lý thuyết về lối sống* (Lifestyle theory). Lý thuyết này được Hindelang, Goffredson và Garofalo đưa ra vào năm 1978. Theo cách nhìn của lý thuyết, việc trở thành nạn nhân của tội phạm phụ thuộc vào lối sống của nạn nhân, loại người mà nạn nhân kết

giao, các hoạt động thường nhật của nạn nhân, giờ giấc mà nạn nhân lui tới các nơi công cộng.

- *Lý thuyết về cơ hội* (Opportunity model theory). Lý thuyết này cho rằng những người là tội phạm có sự lựa chọn duy lý và họ sẽ chọn lựa những mục tiêu mang lại nhiều món lợi nhưng ít rủi ro nhất. Như vậy hành vi tội phạm có diễn ra hay không sẽ phụ thuộc vào hai điều kiện: có sự hiện diện của ít nhất một người có động cơ phạm tội và bối cảnh thuận lợi để người này thực hiện hành vi phạm tội. Như vậy, nếu như các hoạt động của con người làm nảy sinh cơ hội cho tội phạm, họ sẽ trở thành nạn nhân của tội phạm.

- *Lý thuyết về nạn nhân thúc đẩy cho tội phạm* (Victim precipitation theory).

Đây là lý thuyết do Wolfgang phát triển vào năm 1958 mà theo đó, trong sự kiện tội phạm, có sự đồng chịu trách nhiệm của nạn nhân lẫn thủ phạm. Như vậy, việc trở thành nạn nhân của tội phạm là kết quả của những mối tương tác giữa hai hoặc nhiều người chứ không hẳn chỉ từ phía thủ phạm.

5. KẾT LUẬN

Nạn nhân học là một lĩnh vực nghiên cứu rất cần thiết vì nó giúp hiểu rõ hơn về tình hình tội phạm, những hệ quả về nhiều mặt mà các nạn nhân của tội phạm phải chịu đựng, để từ đó có những giải pháp giảm thiểu nguy cơ trở thành nạn nhân của tội phạm nói riêng và tình trạng tội phạm nói chung trong xã hội. Tuy nhiên, đây là một lĩnh vực gần như còn bỏ ngỏ ở

Việt Nam. Theo chúng tôi, một trong những nghiên cứu mang tính chất nạn nhân học đầu tiên ở Việt Nam là nghiên cứu của Nguyễn Xuân Nghĩa (1999) về vấn đề trẻ em bị lạm dụng tình dục ở TP.HCM. Trong nghiên cứu này, tác giả đã tiến hành mô tả những đặc điểm của các trẻ bị lạm dụng tình dục và gia đình của các em, những yếu tố nguy cơ tạo điều kiện cho trẻ dễ bị lạm dụng tình dục, những sự kiện liên quan đến sự kiện bị lạm dụng (thủ phạm, bối cảnh xảy ra...), và những ảnh hưởng về mặt tâm lý do việc bị lạm dụng tình dục.

Như vậy, nạn nhân học là một lĩnh vực nghiên cứu đầy hứa hẹn ở Việt Nam trong tương lai xét cả về mặt học thuật lẫn thực tiễn. □

CHÚ THÍCH

⁽¹⁾ Wolfgang được *Tạp chí Tội phạm học Anh* (The British Journal of Criminology) đánh giá là nhà nghiên cứu tội phạm học có ảnh hưởng nhất trong thế giới Anh ngữ (nguồn: Ellen G. Cohn, David P. Farrington. 1994. “Who are the Most Influential Criminologists in the English-Speaking World?”. *The British Journal of Criminology*, 34, 204-225).

⁽²⁾ Thuật ngữ “Victim precipitation” hay “Victim facilitation” mà chúng tôi tạm dịch là “Nạn nhân thúc đẩy cho tội phạm” là một thuật ngữ được dùng để phân tích các mối quan hệ tương tác giữa nạn nhân và thủ phạm. Thuật ngữ này thường được sử dụng trong nghiên cứu các loại tội phạm như giết người, hiếp dâm, hành hung, cướp của... bởi hành vi trong những loại tội phạm này có một phần nguyên nhân xuất phát từ chính nạn nhân.

⁽³⁾ Xin xem: https://us.sagepub.com/sites/default/files/upm-binaries/83271_Chapter_1.pdf.

⁽⁴⁾ Xin xem: <http://www.worldsocietyofvictimology.org/about-us/history-and-overview/>.

⁽⁵⁾ Xin xem: https://www.academia.edu/26532887/Theories_and_Perspectives_of_Victimology.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Ben-David, Sarah. 2000. “Victimology at the Transition From the 20th to the 21st Century”. *Xth International Symposium on Victimology in Montreal, Canada*.
2. Cohn, Ellen G. and Farrington David P. 1994. “Who are the Most Influential Criminologists in the English-Speaking World?”. *The British Journal of Criminology*, 34.

3. Fattah, Ezzat A. 1981. "La victimologie: entre les critiques épistémologiques et les attaques idéologiques". *Déviance et société*, 1.
4. Fattah, Ezzat A. 1989. "Victims and Victimology: The Facts and the Rhetoric". *International Review of Victimology*, 1.
5. Fattah, Ezzat A. 2000. "Victimology: Past, Present and Future". *Criminologie*, 1.
6. <http://www.worldsocietyofvictimology.org/about-us/history-and-overview>.
7. https://www.academia.edu/26532887/Theories_and_Perspectives_of_Victimology.
8. Karmen, Andrew. 2012. *Crime Victims: An Introduction to Victimology*. Wadsworth: Linda Ganster.
9. Kostić, Miomira. 2010. "Victimology: A Contemporary Theoretical Approach to Crime and its Victim". *Law and Politics*, 1.
10. Landau, Simha F.; Robert E. Freeman-Longo. 1990. "Classifying Victims: A Proposed Multidimensional Victimological Typology". *International Review of Victimology*, 1.
11. Nguyễn Xuân Nghĩa. 1999. *Sơ bộ tìm hiểu trẻ em bị lạm dụng tình dục tại TPHCM*. TPHCM: Trường Đại học Mở - Bán công TPHCM.
12. Rahman, Md. 2013. "Victimology: Concept and History of Victimology". Available at SSRN: <https://ssrn.com/abstract=2257668>